

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Số 1 Lương Định Của -Phường Mai -Đống Đa-Hà Nội



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Hà Nội T07- 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

ĐVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	30 tháng 06 năm 2020	01 tháng 01 năm 2020
100	A – Tài sản ngắn hạn	870.016.363.623	858.445.488.392
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	140.231.732.035	307.787.170.377
111	1. Tiền	97.331.732.035	193.787.170.377
112	2. Các khoản tương đương tiền	42.900.000.000	114.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5.270.205.700	4.470.205.700
121	1. Chứng khoán kinh doanh	636.162.000	636.162.000
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	(165.956.300)	(165.956.300)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4.800.000.000	4.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	193.794.817.985	253.957.909.355
131	1. Phải thu khách hàng	146.411.128.781	218.628.690.535
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	13.744.862.749	28.605.521.649
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	36.878.504.980	10.370.625.140
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	(3.239.678.525)	(3.646.927.969)
140	IV. Hàng tồn kho	523.494.132.799	288.405.740.046
141	1. Hàng tồn kho	537.809.959.140	299.509.594.341
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	(14.315.826.341)	(11.103.854.295)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác	7.225.475.104	3.824.462.914
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7.186.521.383	3.819.549.300
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	-	337.130
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	38.953.721	4.576.484
200	B - TÀI SẢN DÀI HẠN	920.950.381.101	909.246.784.229
210	I- Các khoản phải thu dài hạn		
220	II. Tài sản cố định	679.365.105.662	458.606.524.821
221	1. Tài sản cố định hữu hình	459.779.049.402	255.708.152.019
222	- Nguyên giá	707.798.053.511	488.640.887.803
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	(248.019.004.109)	(232.932.735.784)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		
227	3. Tài sản cố định vô hình	219.586.056.260	202.898.372.802
228	- Nguyên giá	248.611.966.220	230.066.923.623
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	(29.025.909.960)	(27.168.550.821)
230	III. Bất động sản đầu tư		
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	86.413.725.650	272.812.773.056
241	1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	86.413.725.650	272.812.773.056
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	26.049.020.000	26.049.020.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26.049.020.000	26.049.020.000
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	-	-
260	V. Tài sản dài hạn khác	129.122.529.789	151.778.466.352
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10.489.418.197	21.569.002.305
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	5.420.028.924	3.735.044.808
268	3. Tài sản dài hạn khác	786.116.230	1.005.116.229
269	4. Lợi thế thương mại	112.426.966.438	125.469.303.010
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1.790.966.744.724	1.767.692.272.621

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

ĐVT: VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	30 tháng 06 năm 2020	01 tháng 01 năm 2020
300	A - NỢ PHẢI TRẢ	675.669.821.452	639.112.532.008
310	I. Nợ ngắn hạn	598.805.341.420	544.620.534.624
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	62.203.408.847	107.328.489.913
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	9.666.361.380	51.250.853.615
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17.220.387.019	9.558.203.789
314	4. Phải trả người lao động	21.252.787.028	32.045.487.639
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	10.608.915.377	12.542.515.165
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	98.667.500	186.417.600
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	249.572.412.980	118.681.044.701
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	181.436.883.638	180.115.294.942
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	46.745.517.651	32.912.227.260
330	II. Nợ dài hạn	76.864.480.032	94.491.997.384
337	1. Phải trả dài hạn khác	210.684.000	228.292.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	44.273.641.953	61.678.099.439
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	32.380.154.079	32.585.605.945
400	B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	1.115.296.923.272	1.128.579.740.613
410	I. Vốn chủ sở hữu	1.115.296.923.272	1.128.579.740.613
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	175.869.880.000	175.869.880.000
411a	- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết	175.869.880.000	175.869.880.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	331.245.527.850	331.245.527.850
415	3. Cổ phiếu quỹ (*)	(50.000.000)	(50.000.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển	439.192.020.087	396.858.632.148
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	92.872.661.361	148.966.207.884
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	2.259.818.626	(26.140.715.896)
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	90.612.842.735	175.106.923.780
422	12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	-	-
429	13. Lợi ích của cổ đông thiểu số	76.166.833.974	75.689.492.731
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	1.790.966.744.724	1.767.692.272.621

Ngày 16 tháng 07 năm 2020

Người lập

Kế Toán Trưởng

Tổng Giám Đốc

Lê Thành Chung

Phan Thế Tý



Nguyễn Quang Trường

- Báo cáo tài chính được đọc kèm với thuyết minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 04 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Quý 2 năm 2020	Quý 2 năm 2019	Lũy kế năm 2020	Lũy kế năm 2019
1	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	488.885.524.620	526.739.142.242	751.345.939.958	885.887.646.931
2	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	36.065.499.851	62.084.113.126	78.842.079.326	83.386.765.432
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp d.vụ	452.820.024.769	464.655.029.116	672.503.860.632	802.500.881.499
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	283.466.376.857	308.856.015.703	431.364.242.825	513.196.187.029
20	5. Lợi nhuận/(lỗ) gộp về bán hàng và cung cấp d.vụ	169.353.647.912	155.799.013.413	241.139.617.807	289.304.694.470
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	3.256.647.544	2.619.367.937	4.614.795.283	3.501.129.213
22	7. Chi phí tài chính	3.231.231.677	4.793.004.866	6.011.199.267	9.334.445.805
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	2.717.659.892	4.609.196.192	4.118.427.922	7.603.222.554
25	8. Chi phí bán hàng	38.827.744.482	39.828.347.581	62.542.043.259	68.371.831.965
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	46.167.913.297	41.211.037.042	73.722.190.442	82.000.856.481
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	84.383.406.000	72.585.991.861	103.478.980.122	133.098.689.432
31	11. Thu nhập khác	697.315.454	979.823.649	1.221.559.529	1.006.312.245
32	12. Chi phí khác	412.262.648	1.711.820.444	911.800.138	1.868.583.263
40	13. Lợi nhuận/(lỗ) khác	285.052.806	(731.996.795)	309.759.391	(862.271.018)
50	14. Tổng lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	84.668.458.806	71.853.995.066	103.788.739.513	132.236.418.414
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	9.088.614.847	11.707.180.202	12.347.271.430	16.840.833.820
52	16. (Chi phí)/thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(1.664.910.713)	(2.274.609.983)	(1.890.435.982)	403.670.356
60	17. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN	77.244.754.672	62.421.424.847	93.331.904.065	114.991.914.238
61	Lợi ích của công ty mẹ	75.785.092.707	64.861.340.455	91.612.842.735	111.638.242.186
62	Lãi thuộc về các cổ đông thiểu số	1.459.661.965	(2.439.915.608)	1.719.061.330	3.353.672.052
70	18. Lãi trên cổ phiếu	4.312	3.693	5.213	6.352
	- Lãi cơ bản	4.312	3.693	5.213	6.352
	- Lãi suy giảm				

Người lập



Lê Thành Chung

Kế Toán Trưởng



Phan Thế Tý

Ngày 16 tháng 07 năm 2020

Tổng Giám Đốc



Nguyễn Quang Trường

- Báo cáo tài chính được đọc kèm với thuyết minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Lũy kế đến 30/06/2020	Lũy kế đến 30/06/2019
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	789.319.670.129	609.409.139.875
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	(673.628.010.879)	(585.005.431.027)
3	Tiền chi trả cho người lao động	(76.795.492.942)	(76.437.848.234)
4	Tiền lãi vay đã trả	(7.275.948.539)	(4.565.390.300)
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(5.484.210.886)	(16.333.727.520)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	82.181.690.643	85.471.468.800
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(166.518.826.399)	(100.168.723.418)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(58.201.128.873)	(87.630.511.824)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	(68.982.572.639)	(108.346.822.340)
22	Tiền thu hồi từ thanh lý TSCĐ	1.063.636.364	140.000.000
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(36.079.452.050)	(1.900.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	2.000.000.000	600.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	270.890.300	
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	4.885.316.660	2.917.714.526
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư	(96.842.181.365)	(106.589.107.814)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	-	-
32	Tiền mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	-	(17.170.898.895)
33	Tiền thu từ đi vay	275.564.003.571	247.519.897.694
34	Tiền trả nợ gốc vay	(261.646.872.361)	(131.300.227.969)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(26.436.623.950)	(29.640.990.080)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(12.519.492.740)	69.407.780.750
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(167.562.802.978)	(124.811.838.888)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	307.787.170.377	284.863.979.715
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	7.364.636	7.678.126
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	140.231.732.035	160.059.818.953

Ngày 16 tháng 07 năm 2020

Người lập

Kế Toán Trưởng

Tổng Giám Đốc



Lê Thành Chung



Phan Thế Ty



Nguyễn Quang Trường

-Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần.

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương được cổ phần hoá từ Doanh nghiệp nhà nước mang tên Công ty Giống cây trồng Trung ương 1 thành Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương theo Quyết định số 5029/QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 11 năm 2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103003628 ngày 06 tháng 02 năm 2004.

Trong quá trình hoạt động, các thay đổi bổ sung về vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh của Công ty đã lần lượt được chứng nhận tại Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103003628 thay đổi lần 2 ngày 25/09/2006, thay đổi lần 3 ngày 16/11/2006, thay đổi lần 4 ngày 02/11/2007, thay đổi lần 5 ngày 21/04/2008, thay đổi lần thứ 6 ngày 22/09/2009, thay đổi lần 7 ngày 11/11/2010, thay đổi lần 8 ngày 23/09/2011, thay đổi lần 9 ngày 21/01/2013, thay đổi lần 10 ngày 30/06/2014, thay đổi lần 11 ngày 04/11/2014, thay đổi lần 12 ngày 05/12/2018 và thay đổi lần 13 ngày 11/01/2019.

2. Lĩnh vực kinh doanh chính : Nông nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh.

Ngày 11/01/2019, công ty thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 13. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được đổi tên thành Công ty Cổ phần tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam với mã số doanh nghiệp mới số 0101449271. Theo đó ngành, nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp
- Xử lý hạt giống để nhân giống.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: Xuất nhập khẩu trực tiếp về giống cây trồng và vật tư phục vụ sản xuất giống cây trồng.
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu.
- Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp.
- Bán buôn gạo.
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá lưu động hoặc tại chợ.
- Bán buôn thực phẩm.
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh.
- Chế biến và bảo quản rau.
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Bán buôn chuyên doanh khác.
- Trồng cây cà phê, cây điều, cây chè.
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ
- Sản xuất thực phẩm khác.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường : 6 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

- Công ty có trụ sở chính tại số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội. Danh sách các đơn vị trực thuộc như sau:

Đơn vị trực thuộc	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	Huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình	Huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Miền Trung	Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Tây Nguyên	Thành phố Buôn Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam	Huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Kinh doanh Nông sản	Khu Công nghiệp Đồng Văn I mở rộng, thị trấn Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Ba Vì	Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ Giống cây trồng Trung ương tại Khoái Châu	Huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ Giống cây trồng Trung ương	Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển	Huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Nhà máy Thường Tín	Huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
Văn phòng đại diện tại tỉnh Udomxay.	Nước CHXDND Lào

- Đến ngày ngày 31 tháng 03 năm 2020. Công ty có các công ty con như sau:

Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính trong kỳ
1	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây	53.80%	53.80%	Phường Phú Lãm, Hà Đông, Hà Nội	Sản xuất, kinh doanh các loại giống cây trồng và cung cấp dịch vụ kho vận
2	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam	90.02%	90.02%	Xã Điện Thắng Bắc, Thị xã Điện Bàn, Quảng Nam	CC dịch vụ trồng trọt, bán buôn nông, lâm sản, nguyên vật liệu và động vật sống, chế biến nông lâm sản, mua bán vật tư phục vụ nông nghiệp.
3	Công ty Cổ phần Giống cây trồng	96.41%	96.41%	Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, và xuất nhập khẩu

-Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

	Miền Nam		Minh	giống cây trồng các loại.
4	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nam	94%	94% Huyện Lý Nhân. tỉnh Hà Nam	Sản xuất. kinh doanh các loại dưa và rau quả nông sản cao cấp phục vụ nội tiêu và xuất khẩu; n/c ứng dụng. đào tạo. chuyển giao dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp công nghệ cao.
5	Công ty TNHH lúa gạo Việt Nam	100%	100% Huyện Tháp Mười. tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất. chế biến. kinh doanh hạt giống cây trồng và nông sản

➤ Đến ngày 30/06/2020 tổng số cán bộ nhân viên Công ty và Công ty con là 668 người.

➤ **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

- Bà Trần Kim Liên	- Chủ tịch
- Bà Lê Thị Lệ Hằng	- Phó chủ tịch
- Ông Trần Đình Long	- Thành viên
- Ông Đỗ Bá Vọng	- Thành Viên
- Bà Nguyễn Thị Trà My	- Thành viên
- Ông Nguyễn Khánh Quỳnh	- Thành viên
- Ông Nguyễn Quang Trường	- Thành viên

➤ **BAN KIỂM SOÁT**

- Ông Nguyễn Anh Tuấn	- Trưởng ban
- Ông Đỗ Tiến Sỹ	- Thành viên
- Bà Nguyễn Thị Nga	- Thành viên

➤ **BAN GIÁM ĐỐC**

- Ông Nguyễn Quang Trường	- Tổng giám đốc
- Ông Đỗ Bá Vọng	- Phó Tổng giám đốc
- Ông Nguyễn Hải Thọ	- Phó Tổng giám đốc
- Ông Phạm Trung Dũng	- Phó Tổng giám đốc
- Ông Dương Quang Sáu	- Phó Tổng giám đốc

I. KỶ KẾ TOÁN. ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.

1. Kỳ kế toán năm của Công ty được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 dương lịch.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

II. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

-Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

1. Chế độ kế toán áp dụng : Chế độ kế toán doanh nghiệp năm 2015 theo Thông tư 200/2014/TT-BTC và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.
2. Báo cáo tài chính Hợp nhất được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam : Báo cáo tài chính được lập bằng Đồng Việt Nam.
2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán : USD. CNY. LAK.
3. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền : theo lãi suất ngân hàng nhà nước.
4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính.

a. Chứng khoán kinh doanh

Được ghi nhận theo nguyên giá, tại thời điểm lập báo cáo công ty đánh giá lại khoản đầu tư và trích lập dự phòng giảm giá đầu tư khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Nếu giá trị thu hồi của khoản đầu tư tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Việc trích lập và hoàn nhập không được vượt quá nguyên giá của khoản đầu tư.

b. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty và các công ty con có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- + Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- + Các khoản đầu tư đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán.
- + Các đầu tư thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

c. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

d. Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh. liên kết được Công ty được phản ánh trong Báo cáo Tài chính theo giá gốc.

Cổ tức nhận được từ các công ty con và công ty liên doanh. liên kết ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính.

đ. Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

e. Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được trình bày theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu có khả năng không thu được.

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

➤ Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá hàng tồn kho và đảm bảo giá trị ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thị trường có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

➤ Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ hàng tồn kho và chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

➤ Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

➤ Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và và Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ. TSCĐ thuê tài chính. bất động sản đầu tư:

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới TSCĐ được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi TSCĐ được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian sử dụng ước tính của các tài sản như sau:

Loại tài sản cố định:	Thời gian (năm)
<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	
Máy móc, thiết bị	5 – 15
Thiết bị văn phòng	5 – 7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn.	6 - 10
Nhà cửa vật kiến trúc	10 – 35
<i>Tài sản cố định vô hình</i>	
Bản quyền, bằng sáng chế	2- 5
Phần mềm máy tính	5
Quyền sử dụng đất có thời hạn	10 - 49

9. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước là giá trị còn lại của công cụ dụng cụ đã xuất dùng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần trong thời gian được ước tính hợp lý kể từ khi phát sinh, tối đa không quá 3 năm.

10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được ghi nhận theo giá gốc

12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay, có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó khi có đủ điều kiện theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Các chi phí đi vay được vốn hóa khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí lãi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Việc vốn hóa các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong năm.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

Chi phí phải trả là các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng chưa thanh quyết toán tại thời điểm lập báo cáo tài chính được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ trên cơ sở nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận khi công ty được thanh toán tiền trước khi thực hiện công việc để kiếm được doanh thu đó. Doanh thu chưa thực hiện chính là khoản nợ phải trả của công ty cho khách hàng do đã nhận tiền của khách hàng nhưng chưa cung cấp hàng hóa hay dịch vụ cho khách hàng.

16. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu.

- Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí tăng thêm được phân bổ trực tiếp vào giá phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu.
- Khi nhận được vốn từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.
- Khi vốn cổ phần mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền để thanh toán, bao gồm các chi phí có liên quan sau khi đã trừ đi các ảnh hưởng của thuế được ghi nhận là một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu và được phân loại là cổ phiếu quỹ. Khi phát hành lại cổ phiếu quỹ được mua lại, chênh lệch giữa giá phát hành và giá mua lại được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần.
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận theo chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh do thay đổi tỷ giá chuyển đổi tiền tệ khi ghi sổ kế toán, chưa được xử lý tại thời điểm báo cáo.
- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao hoặc dịch vụ đã được cung cấp cho người mua và Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá và được khách hàng chấp nhận thanh toán, đồng thời xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ. Doanh thu không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi lợi ích kinh tế hoặc liên quan đến hàng bán bị trả lại.
- Doanh thu hoạt động tài chính là lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Lãi tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn được ghi nhận trên cơ sở thông báo lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng hoặc được ghi nhận theo lãi suất quy định trong hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được thực hiện.
- Thu nhập khác là các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

18. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm các khoản: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại, không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

19. Nguyên tắc giá vốn hàng bán

Ghi nhận giá vốn hàng bán tuân thủ nguyên tắc phù hợp, nguyên tắc nhất quán.

20. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

-Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Chi phí tài chính được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp.

Chi phí hoạt động tài chính chủ yếu là các khoản chi phí lãi tiền vay. lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện. dự phòng giảm giá các khoản đầu tư phát sinh trong năm. Trong đó, chi phí lãi tiền vay bao gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn và dài hạn của Công ty.

Chi phí lãi vay được ghi nhận theo số lãi vay thực tế phải trả được xác định trên cơ sở nợ gốc, lãi suất vay và thời gian vay trong năm.

21. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp.

22. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

➤ **Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty là doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo Giấy chứng nhận số 03/DNKHCN của Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 3 năm 2011. Căn cứ Thông tư 123/2012/TT-

Bộ Tài Chính ngày 27 tháng 07 năm 2012 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế TNDN. Công ty được miễn, giảm thuế TNDN đối với kết quả sản xuất kinh doanh hình thành từ sản phẩm nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ với điều kiện doanh thu của sản phẩm nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ năm thứ nhất đạt 30%, năm thứ 2 đạt 50%, từ năm thứ 3 đạt 70% tổng doanh thu.

Năm 2019 là năm thứ 9 Công ty đáp ứng được điều kiện trên nên thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2019 Công ty phải nộp cho sản phẩm KHCN là 5%, sản phẩm không phải là KHCN là 20%.

Các khoản thu nhập khác Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hàng năm theo quy định hiện hành là 20%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

➤ **Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):**

Sản phẩm giống cây trồng do Công ty sản xuất. kinh doanh thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

Đối với các dịch vụ khác thuế suất thuế GTGT: 5%. 10%

➤ **Các loại thuế, phí, lệ phí khác:** được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

23. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán Chi phí xây dựng dở dang

Phản ánh các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất. kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

24. Các nguyên tắc và phương pháp lập BCTC hợp nhất.

➤ **Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo của Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam và báo cáo tài chính của các Công ty con - Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây; Công ty CP Giống Nông lâm nghiệp Quảng Nam. Công ty TNHH lúa gạo Việt Nam và Công ty cổ phần Giống cây trồng Miền Nam được lập cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày cuối kỳ kế toán. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của Công ty con.

➤ **Phương pháp kế toán trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn khi xác định lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua cổ phần giá rẻ.** giá phí khoản đầu tư vào công ty con được tính là tổng của chi phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát của công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày công ty mẹ kiểm soát công ty con.

Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát : Lợi ích cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của Công ty. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở

hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

➤ **Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ:** Các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ và các số dư nội bộ giữa Công ty mẹ và công ty con được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính. Khoản lãi vay và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Công ty và các công ty con tại công ty liên kết.

➤ **Trên Báo cáo tài chính hợp nhất lợi thế thương mại là phần phụ trội giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản. công nợ của công ty con. công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

mại được coi là một tài sản vô hình. được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

- Công ty liên kết là một công ty và Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.
Trong Báo cáo Tài chính hợp nhất, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này, các khoản góp vốn liên kết được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc và được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

V.THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền**

	30/06/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
Tiền mặt tại quỹ	2.957.848.840	11.023.056.457
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	94.373.883.195	182.764.113.920
Các khoản tương đương tiền	42.900.000.000	114.000.000.000
Cộng	140.231.732.035	307.787.170.377

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng.

2. Các khoản đầu tư tài chính**a.Chứng khoán kinh doanh.**

	30/06/2020 (VND)			01/01/2020 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty CP cảng rau quả (VGP)	636.162.000	470.205.700	(165.956.300)	636.162.000	470.205.700	(165.956.300)

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
Nắm giữ đến ngày chờ đáo hạn	4.800.000.000	4.000.000.000
Cộng	4.800.000.000	4.000.000.000

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Tỷ lệ sở hữu (%)			
	30/06/2020		01/01/2020	
	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu (%)
1 Đầu tư vào công ty con				
Công ty CP Giống cây trồng Hà Tây	306.080	53.80%	306.080	53.80%
Công ty CP giống Nông lâm nghiệp Quảng Nam	450.100	90.02%	450.100	90.02%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Công ty Cổ phần giống cây trồng Miền Nam	12.794.862	96.41%	12.794.862	94.66%
Công ty cổ phần đầu tư và PTNT nông nghiệp công nghệ cao Hà Nam	4.700.000	94.00%	4.700.000	94.00%
Công ty TNHH lúa gạo Việt Nam	21.0607.219	100%	21.0607.219	100%
2 Đầu tư vào đơn vị khác				
Công ty cổ phần Tập đoàn ThaiBinh Seed (ii)	99.938	10.03%	99.938	10.03%
Đơn vị khác trong lĩnh vực SXKD giống cây trồng	94.188	9.46%	94.188	9.46%

Giá trị đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2020 (VND)			01/01/2020 (VND)		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
1 Đầu tư vào đơn vị khác	26.049.020.000			26.049.020.000		
Công ty cổ phần Tập đoàn ThaiBinh Seed	13.333.640.000			13.333.640.000		
Đơn vị khác trong lĩnh vực SXKD giống cây trồng	12.715.380.000			12.715.380.000		

3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	30/06/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
Phải thu khách hàng:	146.411.128.781	218.628.690.535
- Cục Trồng trọt		62.257.500.000
- Công ty CP Giống Nông nghiệp Điện Biên	3.889.480.000	4.614.290.000
- Phải thu khách hàng khác	142.521.648.781	151.756.900.535
Cộng	146.411.128.781	218.628.690.535
Dự phòng phải thu khó đòi	(3.239.678.525)	(3.646.927.969)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

4. Trả trước cho người bán

	30/06/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
Trả trước cho các nhà thầu xây dựng và người bán:	2.682.925.080	179.906.706
Công ty TNHH thiết kế xây dựng TV Thành Vinh	1.780.730.000	
Trả trước cho nhà thầu xây dựng khác	902.195.080	179.906.706
Trả trước cho nhà cung cấp khác	11.048.611.708	28.425.614.943
Ban Quản lý Dự án Khu công nghiệp Hà Nam	2.000.000.000	2.000.000.000
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	9.061.937.669	26.425.614.943
Cộng	13.744.862.749	28.605.521.649

5. Phải thu khác

	30/06/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng chi phí hoạt động cho nhân viên	1.119.988.246		3.859.702.484	
Phải thu dự án	7.100.000		165.150.000	
Chi phí sản xuất	2.173.269.811			
BHXH. KPCĐ	136.418.003			
Ký cược. ký quỹ	1.103.673.290		1.877.300.000	
Chi cục Thuế Đồng Tháp			2.114.960.000	
Phải thu khác	32.338.055.630		2.353.512.656	
Cộng	36.878.504.980		10.370.625.140	

6. Nợ xấu

	30/06/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị khoản phải thu quá hạn				
- Khách hàng khác	3.239.678.525		3.646.927.969	
Cộng	3.239.678.525		3.646.927.969	

-Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

7. Hàng tồn kho

	30/06/2020		01/01/2020	
	(VND)		(VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu. vật liệu	31.699.001.392		30.742.162.363	
Công cụ. dụng cụ	1.115.202.280		2.090.234.877	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.746.300.165		2.721.414.859	
Thành phẩm	488.794.924.644	(14.315.826.341)	251.588.071.376	(11.103.854.295)
Hàng hoá	9.454.530.659		12.367.710.866	
Cộng	537.809.959.140	(14.315.826.341)	299.509.594.341	(11.103.854.295)

8. Tài sản dở dang dài hạn

	30/06/2020	01/01/2020
	(VND)	(VND)
Tổng số chi phí XDDB dở dang. trong đó:		
Dự án Phương Mai	1.019.394.700	1.019.394.700
Chi phí quyền sử dụng đất	786.590.909	8.473.437.286
Trung tâm Công nghiệp và chế biến hạt giống và chế biến nông sản	84.607.740.041	263.319.941.070
Cộng	86.413.725.650	272.812.773.056

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

9. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Nội dung	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận chuyên	Dụng cụ văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	290.735.456.680	138.606.996.316	49.149.086.696	5.087.445.812	5.061.902.299	488.640.887.803
Tăng do chuyển công ty liên kết thành công ty con	-	-	-	-	-	-
Tăng trong năm	314.564.626.833	153.281.608.866	4.300.596.733	80.806.000	-	472.227.638.432
Thanh lý	(4.378.582.000)	(23.211.114.616)	(2.584.433.059)	-	(4.391.210.299)	(34.565.339.974)
Phân loại lại	(151.870.819.002)	(64.160.385.998)	(3.004.814.750)	(40.986.000)	-	(219.077.005.750)
Số dư cuối năm	449.622.555.511	204.517.104.568	47.860.435.620	5.127.265.812	670.692.000	707.798.053.511
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	115.970.599.555	82.512.369.348	29.550.728.999	4.091.688.069	807.349.813	232.932.735.784
Tăng do chuyển công ty liên kết thành công ty con	-	-	-	-	-	-
Khấu hao trong năm	10.551.233.170	7.458.486.473	1.965.458.229	236.578.651	25.534.602	20.237.291.125
Thanh lý	(1.037.493.468)	(1.075.690.520)	(2.505.394.708)	-	(532.444.104)	(5.151.022.800)
Số dư cuối năm	125.484.339.257	88.895.165.301	29.010.792.520	4.328.266.720	300.440.311	248.019.004.109
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	174.764.857.125	56.094.626.968	19.598.357.697	995.757.743	4.254.552.486	255.708.152.019
Số dư cuối năm	324.138.216.254	115.621.939.267	18.849.643.100	798.999.092	370.251.689	459.779.049.402

-Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

10. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất lâu dài	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Bản quyền	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	156.014.620.089	56.378.552.710	14.588.600.000	3.085.150.824	-	230.066.923.623
Tăng trong năm	-	11.147.179.675	3.481.500.000	148.000.000	3.768.362.922	18.545.042.597
Thanh lý	-	-	-	-	-	-
Phan loại lại	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	156.014.620.089	67.525.732.385	18.070.100.000	3.233.150.824	3.768.362.922	248.611.966.220
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm		14.282.936.826	10.903.766.692	1.981.847.303	-	27.168.550.821
Khấu hao trong năm		1.166.621.243	289.396.672	317.599.824	83.741.400	1.857.359.139
Thanh lý		-	-	-	-	-
Phan loại lại		-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	15.449.558.069	11.193.163.364	2.299.447.127	83.741.400	29.025.909.960
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	156.014.620.089	42.095.615.884	3.684.833.308	1.103.303.521	-	202.898.372.802
Số dư cuối năm	156.014.620.089	52.076.174.316	6.876.936.636	933.703.697	3.684.621.522	219.586.056.260

-Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

11. Chi phí trả trước

	30/06/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
a. Ngắn hạn	7.186.521.383	3.819.549.300
Chi phí sửa chữa, cải tạo	97.315.553	243.987.147
Nguyên vật liệu, công cụ xuất dùng	7.089.205.830	2.976.474.992
Chi phí khác		599.097.161
b. Chi phí dài hạn	10.489.418.197	21.569.002.305
Chi phí sửa chữa cải tạo	3.494.700.111	3.210.616.282
Tiền thuê đất	4.628.816.852	17.845.269.577
Công cụ, dụng cụ	205.579.879	513.116.446
Chi phí khác	2.160.321.355	

12. Lợi thế thương mại tại ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Tổng cộng	HSC	QSC	SSC
1. Nguyên giá	260.846.731.446	26.557.087.281	1.911.006.045	232.378.638.120
Số dư đầu năm	260.846.731.446	26.557.087.281	1.911.006.045	232.378.638.120
2. Khấu hao				
Số dư đầu năm	135.377.428.436	23.901.378.553	1.096.196.778	110.379.853.105
Tăng trong năm	13.042.336.571	1.327.854.364	95.550.302	11.618.931.906
Số dư cuối năm	148.419.765.007	25.229.232.917	1.191.747.080	121.998.785.011
3. Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	125.469.303.010	2.655.708.728	814.809.267	121.998.785.015
Tại ngày cuối năm	112.426.966.438	1.327.854.364	719.258.964	110.379.853.109

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

13. Vay và nợ thuê tài chính

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	181.436.883.638	181.436.883.638	226.879.022.343	246.885.545.505	180.115.294.942	180.115.294.942
Vay ngắn hạn ngắn hạn	159.296.883.638	159.296.883.638	227.604.855.343	139.885.545.505	71.577.573.800	71.577.573.800
Vay dài hạn đến hạn trả	22.140.000.000	22.140.000.000		1.537.721.142	1.537.721.142	1.537.721.142
Vay dài hạn đến hạn trả				107.000.000.000	107.000.000.000	107.000.000.000
Vay dài hạn	44.273.641.953	44.273.641.953	17.959.148.228	14.761.326.856	61.678.099.439	61.678.099.439
Vay dài hạn	66.413.641.953	66.413.641.953	17.959.148.228	14.761.326.856	61.678.099.439	61.678.099.439
Vay dài hạn đến hạn trả	(22.140.000.000)	(22.140.000.000)				
TỔNG CỘNG	225.710.525.591	225.710.525.591	245.564.003.571	261.646.872.361	241.793.394.381	241.793.394.381

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

14. Phải trả người bán

	30/06/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Các khoản phải trả người bán				
a ngắn hạn				
Phải trả nhà thầu	9.277.857.710	9.277.857.710	16.253.226.518	16.253.226.518
Phải trả người bán Công ty TNHH Giống cây trồng Vạn Xuyên- Trung Quốc	15.223.209.165	15.223.209.165	56.889.980.209	56.889.980.209
Phải trả cho các đối tượng khác	37.702.341.972	37.702.341.972	34.185.283.186	34.185.283.186
b Phải trả dài hạn	-	-		
Cộng	62.203.408.847	62.203.408.847	107.328.489.913	107.328.489.913

15. Chi phí phải trả

	30/06/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
a Chi phí phải trả ngắn hạn	10.608.915.377	12.542.515.165
Chi phí lãi vay phải trả	382.177.360	64.708.761
Chi phí phải trả tiền bản quyền	2.750.041.500	3.812.748.950
Chi phí phải trả khác	7.476.696.517	8.665.057.454
b Phải trả dài hạn	210.684.000	228.292.000
Phải trả dài hạn khác	210.684.000	228.292.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp/ bù trừ trong kỳ	Cuối kỳ
Phải thu				
Thuế GTGT	337.130	49.623.246	49.286.116	-
Thuế khác	4.576.484	-	34.377.237	38.953.721
TỔNG CỘNG	4.913.614	49.623.246	83.663.353	38.953.721
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	410.667.394	1.467.341.620	1.236.173.982	641.835.032
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.530.485.089	12.350.738.097	5.484.210.886	15.397.012.300
Thuế thu nhập cá nhân	617.051.306	6.561.706.764	6.698.128.854	480.629.216
Thuế khác	-	1.213.563.558	512.653.087	700.910.471
TỔNG CỘNG	9.558.203.789	21.593.350.039	13.931.166.809	17.220.387.019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

17. Phải trả khác

	30/06/2020	01/01/2020
	(VND)	(VND)
Cổ tức phải trả	70.841.138.600	27.875.928.110
Trợ cấp mất việc làm và các khoản trả CBCNV	16.574.801.358	16.574.801.358
Dự án		
Chi phí sản xuất	23.496.327.833	1.790.279.520
Phải trả cho đơn vị khoán sản xuất	-	1.259.414.542
KPCĐ	89.446.360	
BHXH. BHYT. BHTN	213.921.486	34.205.680
Thù lao HĐQT và BKS	490.230.638	894.845.375
Các khoản CKTM. HTVC	5.039.169.727	-
Lãi trái phiếu phải trả		5.382.098.630
Chi phí phải trả các dự án lúa. ngô		
CTY CP PHÁT TRIỂN NHÀ	23.816.250.000	14.289.750.000
DAEWON THỦ ĐỨC		
CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN NHÀ	76.183.750.000	45.710.250.000
CANTAVIL		
Phải trả nhà cung cấp	536.950.758	-
Các khoản phải trả. phải nộp khác	32.290.426.220	4.869.371.486
Cộng	249.572.412.980	118.681.044.701

18. Doanh thu chưa thực hiện

	30/06/2020	01/01/2020
	(VND)	(VND)
Ngắn hạn		
Doanh thu nhận trước	98.667.500	186.417.600
Cộng	98.667.500	186.417.600

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

19. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng biến động của vốn chủ sở hữu

ĐVT: VND

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Số đầu năm trước	175.869.880.000	331.245.527.850	(50.000.000)	361.419.776.103	102.133.331.443	81.975.533.829	1.052.594.049.225
Phát hành cổ phiếu (*)							
Lợi nhuận trong năm					201.900.142.972	5.558.485.076	207.458.628.048
Mua lại cổ phiếu quỹ					(10.772.626.274)	(6.398.272.621)	(17.170.898.895)
Trích lập quỹ				57.851.196.332	(57.851.196.332)		-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi					(29.500.501.707)	(665.703.930)	(30.166.205.637)
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2017 (*)					(52.723.548.000)	(4.174.652.000)	(56.898.200.000)
Thù lao Hội đồng quản trị					(5.461.808.741)	(339.587.674)	(5.801.396.415)
Sử dụng quỹ				(22.412.340.287)		(252.154.855)	(22.664.495.142)
Thay đổi sở hữu trong công ty con và thoái vốn công ty con							-
Giảm khác					1.242.414.523	(14.155.094)	1.228.259.429
Số dư cuối năm trước	175.869.880.000	331.245.527.850	(50.000.000)	396.858.632.148	148.966.207.884	75.689.492.731	1.128.579.740.613

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tạigày 30 tháng 06 năm 2020

Bảng biến động của vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Số dư đầu năm nay	175.869.880.000	331.245.527.850	(50.000.000)	396.858.632.148	148.966.207.884	75.689.492.731	1.128.579.740.613
Lợi nhuận trong năm					91.612.842.735		91.612.842.735
Mua lại cổ phiếu quỹ							-
Phân bổ vào các quỹ				54.531.295.631	(54.531.295.631)		-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi				-	(21.797.600.327)		(21.797.600.327)
Thù lao hội đồng quản trị				-	(161.644.441)		(161.644.441)
Sử dụng quỹ				(12.197.907.692)	-		(12.197.907.692)
Chia cổ tức				-	(71.215.848.960)		(71.215.848.960)
Tặng/Giam khác				-	101	477.341.243	477.341.344
Số dư cuối kỳ này	175.869.880.000	331.245.527.850	(50.000.000)	439.192.020.087	92.872.661.361	76.166.833.974	1.115.296.923.272

-Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu.

	30/06/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
- Vốn góp của Công ty CP Pan Farm	140.787.070.000	140.787.070.000
- Vốn góp của đối tượng khác	35.082.810.000	35.082.810.000
Cộng	175.869.880.000	175.869.880.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	2020 (VND)	2019 (VND)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	175.869.880.000	175.869.880.000
+ Vốn góp đầu năm		
+ Vốn góp tăng trong năm		
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm	175.869.880.000	175.869.880.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

d. Cổ phiếu

	30/06/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành phổ thông, trong đó:	17.574.516	17.574.516
+ Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng phổ thông	17.574.516	17.574.516
+ Số lượng cổ phiếu được mua lại phổ thông		
+ Số lượng cổ phiếu trả cổ tức trong năm		
- Cổ phiếu quỹ phổ thông	12.472	12.472

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phiếu

e. Cổ tức

	Năm 2020	Năm 2019
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông theo NQ Đại hội đồng cổ đông thường niên.	30%	40%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

f. Các quỹ của doanh nghiệp

	30/06/2020	01/01/2020
	(VND)	(VND)
Quỹ đầu tư phát triển	439.192.020.087	396.858.632.148
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		
Cộng	439.192.020.087	396.858.632.148

Các quỹ được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội Đồng cổ đông. Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ để phục vụ cho nghiên cứu, tái sản xuất, mở rộng kinh doanh.

7. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán.

	30/06/2020
	(VND)
a. Tài sản nhận giữ hộ	762.740.055
b. Hàng hóa nhận giữ hộ	211.152.382.317
c. Ngoại tệ :	

Ngoại tệ	USD	CNY	LAK	EUR
Tại quỹ	10.574	9.096		170
Tại ngân hàng		71.220.21	-	

d. Nợ khó đòi đã xử lý là : 2.892.931.475 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Đơn vị tính : VND

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
Doanh thu		
Doanh thu bán hàng	749.232.246.753	883.672.011.296
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.113.693.205	2.215.635.635
Cộng	751.345.939.958	885.887.646.931

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
Chiết khấu thương mại	24.042.715.405	29.028.685.927
Hàng bán bị trả lại	578.651.897	212.120.810
Giảm giá hàng bán	54.220.712.024	54.145.958.695
Cộng	78.842.079.326	83.386.765.432

3. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019
Giá vốn của hàng hóa đã bán	427.984.531.608	509.533.095.024
Dự phòng (hoàn nhập) giảm giá hàng Dự phòng giảm giá hàng tồn kho g tồn kho	3.379.711.217	3.663.092.005
Cộng	431.364.242.825	513.196.187.029

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019
Lãi chênh lệch tỷ giá	665.626.209	493.853.138
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.740.303.251	1.629.699.000
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.208.865.823	1.377.577.075
Doanh thu hoạt động tài chính khác		
Cộng	4.614.795.283	3.501.129.213

-Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tạigày 30 tháng 06 năm 2020

5. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019
Lãi tiền vay	3.964.564.908	7.603.222.554
Lỗ chênh lệch tỷ giá	903.136.094	1.302.122.861
Trích lập (Hoàn nhập) dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	(65.442.300)
Chiết khấu thanh toán	1.139.254.105	485.043.769
Chi phí hoạt động tài chính khác	4.244.160	9.498.921
Cộng	6.011.199.267	9.334.445.805

6. Lợi nhuận khác

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019
Thu nhập khác	1.221.559.529	1.006.312.245
Chi phí khác	911.800.138	1.868.583.263
Cộng	309.759.391	(862.271.018)

7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019
a. Chi phí bán hàng	62.542.043.259	68.371.831.965
Chi phí nhân viên	15.408.969.831	27.158.647.027
Chi phí mua ngoài (chế biến đóng gói. vận chuyển...)	26.790.405.112	16.798.344.004
Các khoản chi phí bán hàng khác	20.342.668.316	24.414.840.934
b. Chi phí quản lý	73.722.190.442	82.000.856.48
Chi phí nhân viên	35.087.763.750	40.941.269.093
Các khoản chi phí QLDN khác	24.601.745.461	27.552.284.901
Phân bổ lợi thế thương mại trong kỳ	14.032.681.230	13.507.302.487

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	660.670.191.511	541.267.656.481
Chi phí nhân công	63.360.385.821	77.136.207.714
Chi phí khấu hao tài sản cố định	36.127.331.495	30.341.282.275
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.060.602.535	34.570.840.871
Chi phí bằng tiền khác	7.888.899.974	11.051.961.101
Cộng	805.107.411.335	694.367.948.442

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đơn vị tính : VND

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành	12.347.271.430	16.840.833.820
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của năm trước vào chi phí thuế TNDN năm nay	-	-
Thuế thu nhập hoãn lại	(1.890.435.982)	403.670.356

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trừ đi các yếu tố suy giảm) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi và khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

-Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	Tại 30/06/2020	Tại 30/06/2019
Lợi nhuận sau thuế TNDN (VND)	91.612.842.735	111.638.242.187
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân (cổ phiếu)	17.574.516	17.586.987
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	5.213	6.352

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.**1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

ĐVT : VND

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	244.838.170.571	247.519.897.694
Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác		

2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	154.646.872.361	(131.300.227.969)
Tiền trả nợ gốc vay dưới hình thức khác	107.000.000.000	

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

ĐVT : VND

1. Lợi nhuận sau thuế

	Từ 01/04/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/04/2019 đến 30/06/2019
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	75.785.092.707	64.861.340.455
Cộng	75.785.092.707	64.861.340.455

Lợi nhuận quý 2 năm 2020 tăng 16,8% so với quý 2 năm 2019 là do một số thị trường cây vụ đông muộn nên chuyển từ quý 1 năm 2020 sang quý 2 năm 2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Các giao dịch với các bên liên quan

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
Thù lao, lương và thưởng	11.017.715.620	9.356.150.051
Cộng	11.017.715.620	9.356.150.051

2. Các cam kết**Cam kết liên quan đến tiền thuê đất**

Công ty hiện đang thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

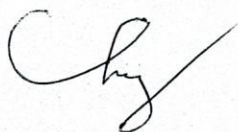
Đơn vị tính: VND

	30/06/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
Đến 1 năm	2.399.590.254	2.399.590.254
Trên 1 – 5 năm	8.667.021.540	8.667.021.540
Trên 5 năm	16.912.706.013	16.912.706.013
Cộng	27.979.317.807	27.979.317.807

3. Thông tin so sánh

Số liệu được sử dụng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam đã được kiểm toán bởi Công ty trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam.

Lập ngày 16 tháng 07 năm 2020

NGƯỜI LẬP


Lê Thành Chung

KẾ TOÁN TRƯỞNG


Phan Thế Tý

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quang Trường